

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2014





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho các năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2014 VNĐ</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	178.919.034.216	109.206.155.388
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	423.277.006.967	745.630.286.430
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		14.861.620.975.194	7.059.014.694.046
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	9.986.971.975.194	5.237.280.944.046
Cho vay các TCTD khác	7.2	4.874.649.000.000	1.835.500.000.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	10	-	(13.766.250.000)
Chứng khoán kinh doanh	8	146.538.351.586	147.127.344.886
Chứng khoán kinh doanh		149.345.579.386	149.803.621.586
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.807.227.800)	(2.676.276.700)
Cho vay khách hàng		16.474.594.688.028	11.493.559.428.268
Cho vay khách hàng	9	16.629.355.912.307	11.570.027.131.139
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(154.761.224.279)	(76.467.702.871)
Chứng khoán đầu tư	11	2.611.196.372.600	6.134.098.000.093
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	2.453.983.581.063	1.131.598.764.877
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	157.212.791.537	5.002.499.235.216
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	383.530.000.000	394.280.000.000
Đầu tư dài hạn khác		386.280.000.000	394.280.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.750.000.000)	-
Tài sản cố định		926.547.171.923	938.567.088.873
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>13.1</i>	<i>453.750.751.041</i>	<i>492.968.632.074</i>
Nguyên giá tài sản cố định		609.863.667.020	612.335.952.255
Hao mòn tài sản cố định		(156.112.915.979)	(119.367.320.181)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>13.2</i>	<i>15.277.871.365</i>	<i>4.130.866.104</i>
Nguyên giá tài sản cố định		16.830.861.821	4.310.472.728
Hao mòn tài sản cố định		(1.552.990.456)	(179.606.624)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>13.3</i>	<i>457.518.549.517</i>	<i>441.467.590.695</i>
Nguyên giá tài sản cố định		494.235.180.222	469.996.882.666
Hao mòn tài sản cố định		(36.716.630.705)	(28.529.291.971)
Tài sản Có khác		1.286.782.440.059	1.760.260.094.165
Các khoản phải thu	14.1	577.186.491.254	1.216.958.684.501
Các khoản lãi, phí phải thu	14.2	488.765.909.351	473.252.190.192
Tài sản Có khác	14.3	220.830.039.454	70.644.162.331
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác		-	(594.942.859)
TỔNG TÀI SẢN		37.293.006.040.573	28.781.743.092.149



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

		31/12/2014	31/12/2013
	Thuyết minh	VNĐ	VNĐ (Trình bày lại)
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi và vay các TCTD khác		13.161.827.302.122	6.369.723.214.871
Tiền gửi của các TCTD khác	15.1	9.765.927.394.722	4.725.953.256.511
Vay các TCTD khác	15.2	3.395.899.907.400	1.643.769.958.360
Tiền gửi của khách hàng	16	20.319.178.750.965	13.679.001.679.575
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		-	4.077.017.305
Phát hành giấy tờ có giá		-	5.000.000.000.000
Các khoản nợ khác		480.774.352.179	470.507.854.813
Các khoản lãi, phí phải trả	17.1	373.346.859.366	312.026.430.738
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	107.427.492.813	102.674.999.797
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10	-	55.806.424.278
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		33.961.780.405.266	25.523.309.766.564
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		3.002.582.440.242	3.002.582.440.242
Vốn điều lệ		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		10.126.842	10.126.842
Thặng dư vốn cổ phần		2.547.141.600	2.547.141.600
Vốn khác		25.171.800	25.171.800
Các quỹ dự trữ		169.552.729.722	141.248.737.423
Lợi nhuận chưa phân phối		159.090.465.343	114.602.147.920
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	3.331.225.635.307	3.258.433.325.585
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.293.006.040.573	28.781.743.092.149



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2014 VNĐ</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		175.024.474.982	57.056.096.855
Bảo lãnh khác		263.532.106.684	117.690.918.849
Tổng cộng	33	438.556.581.666	174.747.015.704

Người lập:

Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ (Trình bày lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	2.378.074.705.422	1.582.957.202.704
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(1.695.922.016.769)	(1.178.873.425.390)
Thu nhập lãi thuần		682.152.688.653	404.083.777.314
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		64.216.063.461	98.842.330.964
Chi phí hoạt động dịch vụ		(21.925.867.446)	(71.176.388.910)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	42.290.196.015	27.665.942.054
Lãi (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh Doanh ngoại hối	25	8.405.425.690	(4.300.976.668)
(Lỗ) Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		(45.218.281)	712.227.276
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	3.475.479.606	110.222.147.015
Thu nhập từ hoạt động khác		63.688.668.792	229.298.846.063
Chi phí hoạt động khác		(48.849.798.730)	(131.747.733.365)
Lãi thuần từ hoạt động khác	27	14.838.870.062	97.551.112.698
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	32.579.737.715	40.438.567.774
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		783.697.179.460	676.372.797.463
Chi phí cho nhân viên		(182.137.374.593)	(151.218.993.734)
Chi phí khấu hao		(50.487.964.605)	(50.713.581.878)
Chi phí hoạt động khác		(230.993.448.434)	(214.497.243.534)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	29	(463.618.787.632)	(416.429.819.146)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		320.078.391.828	259.942.978.317
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(77.632.270.816)	(76.533.325.633)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		242.446.121.012	183.409.652.684
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	(55.280.867.666)	(48.583.596.308)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18.2	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		(55.280.867.666)	(48.583.596.308)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		187.165.253.346	134.826.056.376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	624	449

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2014 VNĐ</i>	<i>Năm 2013 VNĐ</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.363.350.136.144	1.677.859.398.766
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.632.513.867.290)	(1.081.490.923.374)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		44.830.837.708	29.639.316.966
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		11.966.638.115	105.921.112.823
Thu (chi) khác		13.182.822.405	(5.153.814.669)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	27	1.725.172.246	11.732.280.102
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(558.033.160.191)	(367.796.222.982)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	18.1	(45.283.596.800)	(69.276.509.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		199.224.982.337	301.434.638.398
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng) giảm các khoản tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác		(2.107.625.000.000)	663.957.654.272
Giảm (tăng) các khoản về kinh Doanh chứng khoán		3.523.359.669.693	(3.705.283.267.637)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(5.059.328.781.168)	(4.721.887.800.604)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(68.911.423.686)	(43.643.914.922)
Giảm khác về tài sản hoạt động		658.070.068.582	244.012.268.432
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	(250.000.000.000)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		6.780.056.904.257	4.272.758.962.088
Tăng tiền gửi của khách hàng		6.640.177.071.390	4.951.915.795.502
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		(3.895.266.061)	(11.789.426)
(Giảm) tăng phát hành giấy tờ có giá		(5.000.000.000.000)	3.720.936.348.276
(Giảm) về nợ phải trả khác		(1.553.603.247)	(34.206.574)
Chi từ các quỹ dự trữ		(3.825.432.582)	(1.505.911.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.555.749.189.515	5.432.648.776.805
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(61.254.509.368)	(184.986.474.592)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27	7.672.778.888	894.545.454
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		250.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(242.000.000.000)	(8.800.000.000)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	28	32.579.737.715	40.438.567.774
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.001.992.765)	(152.453.361.364)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2014</i> VNĐ	<i>Năm 2013</i> VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	21	(114.172.566.237)	(145.610.767.865)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(114.172.566.237)	(145.610.767.865)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.428.574.630.513	5.134.584.647.576
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		6.043.217.385.864	908.632.738.288
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	30	11.471.792.016.377	6.043.217.385.864

Người lập:

Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015